

QUỸ ETF SSIAM VNX50

Số/No. 1217/2025/TBNV-SSIAM-NVQ

CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU GIAO DỊCH
HOÁN ĐỔI

ANNOUNCEMENT
AFTER EXCHANGE TRADING

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam, Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
To: State Securities Commission of Vietnam, Vietnam Exchange, HoChiMinh Stock Exchange

- Tên CTQLQ/Fund Management company: Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ SSI/SSI Asset Management Company Limited
 - Tên Ngân hàng giám sát/Supervisory Bank: Ngân hàng BIDV
 - Tên quỹ ETF/ETF name: QUỸ ETF SSIAM VNX50
 - Mã chứng khoán/Securities symbol: FUESSV50
 - Ngày giao dịch hoán đổi/Exchange date: 06/08/2025
 - Đơn vị tính lô ETF/Unit: 1 lô ETF tương đương 100 000 chứng chỉ quỹ ETF
- Unit: 1 ETF Creation Unit = 100,000 ETF certificates
- Danh mục đã dùng hoán đổi 1 lô ETF/ Basket of Component Securities and Cash Component:

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Tỷ lệ % trong danh mục
Order	Securities symbol	Volume	Weighting
1	ACB	4,900	4.54%
2	CTG	900	1.65%
3	DCM	100	0.14%
4	DGC	200	0.82%
5	DIG	600	0.50%
6	DPM	100	0.16%
7	EIB	1,600	1.70%
8	FPT	1,600	6.69%
9	FRT	100	0.60%
10	GEX	700	1.64%
11	GMD	400	0.92%
12	HCM	600	0.63%
13	HDB	2,900	3.20%
14	HPG	4,700	4.91%
15	HSG	500	0.37%
16	IDC	200	0.36%
17	KBC	500	0.64%
18	KDH	700	0.77%
19	LPB	3,200	4.47%
20	MBB	3,400	3.99%
21	MSB	2,000	1.12%
22	MSN	800	2.36%



23	MWG	1,200	3.29%
24	NLG	300	0.49%
25	PDR	500	0.38%
26	PLX	100	0.14%
27	PNJ	300	1.01%
28	POW	600	0.34%
29	PVD	300	0.25%
30	PVS	200	0.26%
31	SAB	100	0.19%
32	SHB	3,200	2.32%
33	SHS	900	0.83%
34	SSB	1,700	1.32%
35	SSI	1,500	2.06%
36	STB	2,000	4.09%
37	TCB	4,300	6.29%
38	TPB	1,600	1.11%
39	VCB	1,000	2.43%
40	VCG	400	0.40%
41	VCI	400	0.72%
42	VHM	1,300	4.94%
43	VIB	2,200	1.68%
44	VIC	1,700	7.90%
45	VJC	300	1.51%
46	VND	1,200	1.12%
47	VNM	900	2.14%
48	VPB	4,900	5.14%
49	VPI	100	0.21%
50	VRE	1,000	1.22%
I	Chứng khoán/Stock	2,427,175,000	95.98%
II	Tiền/Cash(VND)	101,536,170	4.02%
III	Tổng/Total (=I+II)	2,528,711,170	100%

- Chênh lệch giữa danh mục chứng khoán cơ cấu và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/ Difference between the value of securities basket and the offering price of an ETF Creation Unit as follow:

+ Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/Value of component securities basket: (VND)	2,427,175,000
+ Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/Value per ETF Creation Unit: (VND)	2,528,711,170
+ Giá trị chênh lệch/Cash component: (VND)	101,536,170

- Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/ Plan to reduce the difference:

+ Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/ For creation order: Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ Transfer the difference into the Fund's account

+ Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/ For redemption order: Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại/ Receive the difference from the Fund after subtracting tax and redemption fee

- Các trường hợp chứng khoán cơ cấu được thay bằng tiền (nếu có, nêu rõ lý do)/In case stock can be replaced by cash, (if any, state clearly the reason):

STT	Mã chứng khoán	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu	Đối tượng áp dụng	Lý do
No.	Securities code	Substitution cash per share (VND)	Applied to	Reason
1	SSI	34,650	SSI	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch/ Treasury stock not yet registered for trading
2	VCI	45,800	VIETCAP	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch/ Treasury stock not yet registered for trading
3	VND	23,700	VNDS	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch/ Treasury stock not yet registered for trading
4	VCB	61,500	VCBS	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định điều 28.4 a Thông tư 121/2020/TT-BTC/ Restriction of ownership by Article 28.4 a Circular 121/2020/TT-BTC
5	ACB	23,450	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit
6	HDB	27,900	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit
7	MBB	29,700	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit
8	PNJ	85,500	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit
9	TCB	37,000	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit
10	VIB	19,300	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit

Các chỉ tiêu khác/Other criteria

Chỉ tiêu/Criteria	Kỳ này/This Period (*) 06/08/2025	Kỳ trước/Last Period(**) 05/08/2025	Chênh lệch/ Difference
1.Số lô đã phát hành thêm/ Creation Units were issued	0.00	0.00	0.00
2.Số lô đã mua lại/ Creation Units were redeemed	1.00	0.00	1.00
3.Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/ Issued shares	5,200,000.00	5,300,000.00	-100,000.00
4.Giá đóng cửa (VND/ccq)/ Closing price	25,700.00	25,690.00	10.00

5. Giá trị tài sản ròng tại ngày định giá/ Net Asset Value at Valuation Date	0.00	0.00	0.00
của quỹ ETF/ of the Fund	134,021,692,035.00	131,359,804,316.00	2,661,887,719.00
của 1 lô CCQ ETF/ per ETF Creation Unit	2,528,711,170.00	2,478,486,873.00	50,224,297.00
của 1 CCQ/ per Share	25,287.11	24,784.86	502.25
6. Chỉ số tham chiếu/ Tracking Index	2,901.55	2,845.45	56.10

(*) Chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại ngày 05/08/2025

(**) Chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại ngày 04/08/2025

Đại diện tổ chức
Organization representative



Lê Thùy Linh
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC